

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 138/2024/LĐ-ST
Ngày: 15 - 8 - 2024
V/v Tranh chấp về hợp đồng lao
động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu - Nguyên Trưởng Phòng Lao động thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;

2. Bà Phạm Thị Thu Yên - Nguyên Trưởng Phòng Lao động thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Phạm Thanh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 97/2024/TLST-LĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2024/QĐXXST-LĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Thị Đ, sinh năm 1993; thường trú: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, có yêu cầu giải vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH S; địa chỉ: Lô H, Đường số F, KCN Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật ông Lee Kang Y, sinh năm 1971, có yêu cầu giải vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lý Thị Thanh H, sinh năm 1996; thường trú: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, có yêu cầu giải vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội thành phố T, địa chỉ: Đường N, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Từ tháng 06 đến tháng 08/2012 bà **Lý Thị Đ** có ký kết hợp đồng lao động với **Công ty TNHH S1** và có tham gia bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm xã hội 7912224445 tại Bảo hiểm xã hội **quận T**.

Do không am hiểu về pháp luật nên bà **Lý Thị Đ** có cho bà **Lý Thị Thanh H** mượn căn cước công dân để giao kết hợp đồng lao động tại **Công ty TNHH S** từ tháng 04/2012 đến 10/2012 với mã số Bảo hiểm xã hội 7412134315.

Hiện nay bà **Lý Thị Đ** đang tồn tại hai mã số bảo hiểm xã hội vì trong cùng một thời gian bà **Lý Thị Đ** không thể tham gia bảo hiểm xã hội tại hai công ty được. Do đó hiện nay bà **Lý Thị Đ** đang trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội nên không thực hiện được thủ tục hưởng chế độ bảo hiểm theo quy định.

Do đó bà **Lý Thị Đ** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động tên bà **Lý Thị Đ** (do bà **Lý Thị Thanh H** là người lao động) với người sử dụng lao động là **Công ty TNHH S** trong khoảng thời gian từ tháng 04 năm 2012 đến tháng 10 năm 2012 là vô hiệu toàn bộ. Bà **Lý Thị Đ** không có yêu cầu Tòa án giải quyết gì về hậu quả của hợp đồng vô hiệu, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn **Công ty TNHH S** trình bày:* Vào thời điểm tháng 04/2012, Công ty có nhận người lao động tên **Lý Thị Đ** vào làm việc tại công ty. Hồ sơ xin việc của bà **Lý Thị Đ** đầy đủ theo quy định. Hàng tháng công ty đóng các khoản bảo hiểm theo quy định của pháp luật. Công ty thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu gì đối với hậu quả của hợp đồng vô hiệu và không có yêu cầu phản tố trong vụ án và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Lý Thị Thanh H** trình bày:* Vào khoảng năm 2012 do bà **H** chưa đủ tuổi lao động nên khoảng thời gian từ tháng 04/2012 đến tháng 10/2012 bà **H** có hỏi mượn căn cước công dân của bà **Lý Thị Đ** để ký kết hợp đồng lao động với **Công ty TNHH S**. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà **Lý Thị Đ** thì bà **H** thống nhất và không có yêu cầu gì liên quan đến hợp đồng lao động tuyên vô hiệu trên và không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội **thành phố T** trình bày:* Trong quá trình tố tụng đã có công văn phúc đáp cho Tòa án về quá trình đóng bảo hiểm của bà **Lý Thị Đ**, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, do bận công việc nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ Điều 15, 16, 49 và 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đề nghị

Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà **Lý Thị Đ** khởi kiện yêu cầu tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên bà **Lý Thị Đ** (do bà **Lý Thị Thanh H** là người ký kết) với người sử dụng lao động là **Công ty TNHH S** trong khoảng thời gian từ tháng 04 năm 2012 đến tháng 10 năm 2012 là vô hiệu toàn bộ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hợp đồng lao động” được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn **Công ty TNHH S** có địa chỉ trụ sở **Lô H, đường số F, khu công nghiệp Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương**. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn; bị đơn; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa **Công ty TNHH S** và bà **Lý Thị Đ**. Tuy nhiên, tất cả các đương sự đều thống nhất có việc giao kết hợp đồng. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung: Xét thấy bà **Lý Thị Đ** cho bà **Lý Thị Thanh H** mượn hồ sơ để xác lập hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 04 năm 2012 đến tháng 10 năm 2012 tại **Công ty TNHH S** theo mã số Bảo hiểm xã hội 7412134315. Trong khoảng thời gian trên, bà **Lý Thị Đ** cũng giao kết hợp đồng lao động tại **Công ty TNHH S1** và có tham gia bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm xã hội 7912224445.

[5.1] Thực tế đối tượng lao động và ký kết hợp đồng tại **Công ty TNHH S** từ tháng 04 năm 2012 đến tháng 10 năm 2012 là bà **Lý Thị Thanh H** không phải bà **Lý Thị Đ**. Việc bà **Lý Thị Thanh H** mượn hồ sơ của bà **Lý Thị Đ** để đi làm tại **Công ty TNHH S** là vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo khoản 1 Điều 15 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động 2019, nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động 2019 đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Bà **Lý Thị Thanh H** và **Công ty TNHH S** không tranh chấp và không có yêu cầu gì trong vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 17, 19, 50, 51 và Điều 52 Bộ luật Lao động năm 2012 (nay là các Điều 15, 16, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019).

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Lý Thị Đ** về việc Tranh chấp về hợp đồng lao động với bị đơn **Công ty TNHH S**.

Tuyên Hợp đồng lao động giao kết giữa bà **Lý Thị Đ** và **Công ty TNHH S** trong thời gian từ tháng 04 năm 2012 đến tháng 10 năm 2012 là vô hiệu toàn bộ.

Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà **Lý Thị Đ** theo quy định pháp luật.

2. Về án phí:

Công ty TNHH S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà **Lý Thị Đ** số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004700 ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hạnh

